TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Pc**

Bản án số: **70**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 25-7-2022
V/v: "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Ngọc Cẩm Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Minh Tân

2/ Bà Phạm Thị Em

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Đoàn Ngọc Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tham gia phiên tòa***: Bà Lê Thị Ngọc Phấn – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 132/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2022 về việc: "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2022/QĐXX-ST ngày 11 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Thanh L**, sinh năm 1983. Có mặt

Nơi ĐKTT: Phường M, Quận N, TP.HCM.
Nơi cư trú: Phường O, Quận I, Tp Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Anh **Ngô Văn P**, sinh năm 1980. Vắng mặt

Nơi cư trú: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Thanh L trình bày:

Chị và anh P tự nguyện quen biết và cưới nhau vào năm 2003, hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND phường D, Quận L, TP Hồ Chí Minh vào ngày 17/11/2003. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh Pc nhưng sau đó đến

năm 2017 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, khác nhau về cách thức nuôi dạy con cái và liên quan đến tài chính kinh tế gia đình nên anh chị thường xuyên cải nhau. Ngoài ra, anh P không chịu làm ăn và không chăm lo gì cho gia đình, thiếu quan tâm đến vợ con. Chính vì vậy, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gây gắt nên anh P đã bỏ về quê ở Bến Tre sinh sống từ năm 2017 cho đến nay. Hiện tại chị và anh P đã sống riêng, ly thân và hai bên không còn quan tâm gì nhau. Nay chị nhận thấy giữa chị và anh P không còn tình cảm nữa, không thể tiếp tục chung sống được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh P, chị không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn.

Về con chung: Có hai con chung tên Ngô Minh A, sinh ngày 21/3/2004 và Ngô Minh Pc, sinh ngày 09/5/2013. Cháu Ngô Minh A hiện đang sống cùng với chị và cháu Pc hiện đang sinh sống với anh P do đó sau khi ly hôn chị đồng ý giao con chung tên Ngô Minh Pc, sinh ngày 09/5/2013 cho anh P được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị không cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Ngô Minh A đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung*:* Chị khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, chị đồng ý giao con chung Ngô Minh Pc, sinh ngày 09/5/2013 cho anh P được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng. Riêng cháu cháu Ngô Minh A đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tài sản chung và nợ chung: không có.

Tại biên bản làm việc ngày 08/7/2022 anh Ngô Văn P trình bày như sau:

Anh và chị L tự nguyện tìm hiểu nhau và đi đến hôn nhân vào năm 2003 có đăng ký kết hôn như chị L trình bày. Sau khi kết hôn thì anh chị chung sống hạnh Pc tại địa chỉ số 237/84/15 Phạm Văn Chiêu, Phường 14, Quận Gò Vấp, TP.HCM. Tuy nhiên, đến năm 2017 thì anh chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về kinh tế, tiền bạc cũng như cách nuôi dạy con cái. Do mâu thuẫn của hai vợ chồng ngày càng gây gắt nên anh đã dẫn theo cháu Pc về quê ở Châu Thành, Bến Tre sinh sống từ năm 2017 cho đến nay. Từ khi anh về quê sinh sống cho đến nay chị L cũng không tới lui gì thăm anh hay thăm cháu Pc và anh cũng ít tới lui thăm chị L. Nay giữa anh và chị L đã sống riêng và hai bên cũng không còn quan tâm gì nhau và chị L cũng nộp đơn ly hôn tại Tòa án thì anh cũng đồng ý ly hôn. Anh không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn.

Về con chung: Có hai con chung tên Ngô Minh A, sinh ngày 21/3/2004 và Ngô Minh Pc, sinh ngày 09/5/2013. Cháu Ngô Minh A hiện đang sống cùng với chị L và cháu Pc hiện đang sinh sống với anh. Do đó, sau khi ly hôn anh yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Ngô Minh Pc, sinh ngày 09/5/2013, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Ngô Minh A đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thanh L, cho chị L được ly hôn với anh P. Về con chung: Sau khi ly hôn giao con chung tên Ngô Minh Pc, sinh ngày 09/5/2013 cho anh P được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận anh P không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Ngô Minh A, sinh ngày 21/3/2004 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Chị Trần Thị Thanh L có đơn khởi kiện xin ly hôn đối với anh Ngô Văn P cư trú tại: Số 405 ấp Thạnh Hưng, xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Xét thấy, đây là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án anh P có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh P theo thủ tục chung.

Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Chị L và anh P cưới nhau vào năm 2003 trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 10, Quận Gò Vấp, TP Hồ Chí Minh vào ngày 17/11/2003 nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị L và anh P chung sống hạnh Pc nhưng sau đó vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn nên chị L đã nộp đơn xin ly hôn với anh P.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Cuộc sống hôn nhân của chị L và anh P thực tế là có mâu thuẫn. Bởi lẽ, căn cứ vào lời trình bày của chị L và anh P thì cả hai đều thừa nhận cuộc sống hôn nhân của anh chị đã phát sinh mâu thuẫn từ năm 2017 nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, khác nhau về cách thức nuôi dạy con cái cũng như liên quan đến tài chính kinh tế gia đình nên anh chị thường xuyên cãi nhau. Do mâu thuẫn hay của anh chị ngày càng nhiều nên anh P đã bỏ về quê ở

Bến Tre sinh sống và ly thân với chị L từ năm 2017 cho đến nay. Từ khi chị L và anh P sống riêng cho đến nay thì chị L cũng không tới lui thăm cháu Pc và anh P cũng không thường xuyên thăm chị L cũng như cháu Minh A và hiện tại hai bên đã không còn quan tâm, liên lạc nhau. Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa chị L và anh P đã gay gắt mặc dù trong khoảng thời gian chị L và anh P ly thân cũng là khoảng thời gian đủ để anh chị suy nghĩ hàn gắn lại tình cảm vợ chồng nhưng anh chị vẫn không hàn gắn được mà mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng. Quá trình giải quyết vụ án, chị L xác định không còn tình cảm với anh P và kiên quyết xin ly hôn với anh P, anh P cũng thống nhất với yêu cầu của chị L và đồng ý ly hôn.

Từ những căn cứ trên Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa chị L và anh P đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị L là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: Quá trình hôn nhân chị L và anh P có với nhau được hai con chung tên tên Ngô Minh A, sinh ngày 21/3/2004 và Ngô Minh Pc, sinh ngày 09/5/2013. Sau khi ly hôn chị L đồng ý giao con chung tên Ngô Minh Pc, sinh ngày 09/5/2013 cho anh P được quyền trực tiếp nuôi dưỡng và chị không cấp dưỡng nuôi con. Anh P cũng đồng ý với yêu cầu của chị L là đồng ý nuôi dưỡng cháu Pc và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Ngô Minh A, sinh ngày 21/3/2004 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hội đồng xét xử xét thấy: Từ khi chị L và anh P ly thân đến nay thì con chung là do anh P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và sự phát triển của con chung hoàn toàn tốt và chị L và anh P cũng không tranh chấp gì về con chung. Do đó, để đảm bảo cho sự phát triển ổn định của con chung, Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao cháu Ngô Minh Pc, sinh ngày 09/5/2013 cho anh P được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của con và cũng phù hợp với quy định của pháp luật. Tuy nhiên, anh P không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con, xét đây là sự tự nguyện của anh P nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh P đều khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của chị L được chấp nhận nên chị L phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 144, 147, 228, 262, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thanh L đối với anh Ngô Văn P. Cho chị Trần Thị Thanh L được ly hôn với anh Ngô Văn P.

Ghi nhận chị L và anh P đều không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn.

[2] Về con chung: Sau khi ly hôn anh Ngô Văn P được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Ngô Minh Pc, sinh ngày 09/5/2013. Ghi nhận anh Ngô Văn P không yêu cầu chị Trần Thị Thanh L cấp dưỡng nuôi con chung. Riêng cháu Ngô Minh A, sinh ngày 21/3/2004 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức theo quy định của pháp luật Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh P đều khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng chị Trần Thị Thanh L phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006288 ngày 11 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre. Chị L đã nộp đủ án phí.

Chị Trần Thị Thanh L có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Ngô Văn P vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- UBND Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Ngọc Cẩm Sơn